

Bản án số: 68/2022/HS-ST
Ngày 28 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung
Ông Lê Tuấn Kiệt

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Cao Văn P**, sinh ngày 15/01/1945 tại Cà Mau; Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn T (đã chết) và bà Hồng Thị Y (đã chết); Có vợ tên Phùng Thị E, sinh năm 1950 và có 03 người con. Lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: 00. Bị cáo Cao Văn P bị khởi tố bị can ngày 08/9/1995, nhưng bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 11/01/2022 bị bắt truy nã và tạm giữ đến ngày 14/01/2022 được tại ngoại điều tra cho đến nay. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Phùng Thị E**, sinh ngày 15/02/1950 tại Cà Mau; Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Có chồng tên Cao Văn P, sinh năm 1945 và có 03 người con. Lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: 00. Bị cáo

Phùng Thị E bị khởi tố bị can ngày 08/9/1995, nhưng bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 11/01/2022, bị bắt truy nã và tạm giữ đến ngày 14/01/2022 được tại ngoại điều tra cho đến nay. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Dương Thị Bạch M, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1949 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Dương Hồng A, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

5. Ông Phạm Hoàng G, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E là vợ chồng, trước đây cùng sinh sống tại khóm N, phường M, thị xã B, tỉnh Minh Hải (Nay là Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.). Từ năm 1993 đến năm 1995, bị cáo Cao Văn P kinh doanh tôm giống tại xã Hiệp Thành, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải (Nay là phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) và nhận san lấp mặt bằng cho các công trình xây dựng. Do kinh doanh thua lỗ và nợ tiền của nhiều người bị cáo P và bị cáo E bàn bạc mượn tiền của người khác và hốt các phần hội đang tham gia để lấy tiền trả nợ và chi xài cá nhân rồi bỏ trốn để chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Bị cáo P và bị cáo E là hàng xóm với bà Vũ Thị Kim H, sinh năm 1939, nơi cư trú: số 94/2, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu (đã chết). Để có tiền đưa cho P kinh doanh, khoảng tháng 07 năm 1993 đến tháng 06 năm 1995, bị cáo E nhiều lần gặp bà Hảo mượn tổng số tiền 20.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả lại.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng đầu năm 1994, bị cáo P và bị cáo E tham gia chơi 01 phần hội trong dây hội 2.000.000 đồng và 01 phần hội trong dây hội 1.000.000 đồng do bà Nguyễn Bích T, sinh ngày 15/4/1953, nơi cư trú: số I/14, đường Hàm Nghi, khóm 3, phường 5, thành phố Bạc Liêu làm chủ. Bị cáo E bàn bạc với bị cáo P hốt các phần hội tham gia để lấy tiền kinh doanh. Sau khi hốt hội bị cáo P và bị cáo E đóng tiền đầy đủ nhưng đến khi bỏ trốn thì hai dây hội này vẫn chưa kết thúc. Bị cáo P và bị cáo E có trách nhiệm phải đóng 06 kỳ hội đã hốt của dây hội 2.000.000 đồng, với số tiền 12.000.000 đồng và 16 kỳ hội đã hốt của dây hội 1.000.000 đồng, với số tiền 16.000.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Bị cáo P và bị cáo E quen biết với bà Dương Thị Bạch M, sinh ngày 19/10/1955, nơi cư trú: số 72, đường Hoàng Văn Thụ, khóm 2, phường 3, thành phố Bạc Liêu. Vào ngày 30/7/1994, bị cáo P và bị cáo E mượn bà M với tổng số tiền là 13.000.000 đồng rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ tư:** Khoảng tháng 10 năm 1994, bị cáo P và bị cáo E tham gia chơi 02 phần trong dây hội 500.000 đồng do Bà Huỳnh Kim L (B), sinh ngày 10/6/1949, nơi cư trú: số 040, đường Võ Thị Sáu, Khóm 8, Phường 3, thành phố Bạc Liêu làm chủ. Để có tiền kinh doanh, bị cáo E đã hốt 02 phần hội đã tham gia và mượn của bà L số tiền 5.000.000 đồng đưa cho P. Sau khi hốt hội, bị cáo P và bị cáo E đóng tiền đầy đủ nhưng đến khi bỏ trốn, dây hội này vẫn chưa kết thúc. Bị cáo P và bị cáo E còn phải đóng các kỳ hội của hai phần hội đã hốt với số tiền là 10.500.000 đồng.

- **Vụ thứ năm:** Bà Dương Hồng A, sinh ngày 19/9/1966, nơi cư trú: số 106A, đường Võ Thị Sáu, Khóm 6, Phường 3, thành phố Bạc Liêu có quen biết với bị cáo P và bị cáo E. Từ năm 1993, bị cáo P làm hợp đồng thuê bằng kỹ sư nuôi trồng thủy sản của ông Phạm Hoàng G, sinh năm 1963 (chồng bà A) để mở cơ sở kinh doanh trại tôm giống tại xã Hiệp Thành, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải với số tiền 300.000 đồng/tháng. Đến khoảng tháng 12 năm 1994, bà A làm chủ hội nên bị cáo P và bị cáo E tham gia chơi 02 phần trong dây hội 200.000 đồng và đã hốt, đồng thời bị cáo E còn mượn bà A số tiền 6.000.000 đồng đưa cho bị cáo P kinh doanh. Sau đó, bị cáo Phụ và bị cáo E bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền có trách nhiệm phải đóng các kỳ hội còn lại 3.000.000 đồng, tiền mượn 6.000.000 đồng và tiền thuê bằng kỹ sư của ông G 7.200.000 đồng.

- **Vụ thứ sáu:** Bị cáo P và bị cáo E có quen biết bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942, nơi cư trú: khóm Trà Kha B, phường 8, thành phố Bạc Liêu (đã chết). Khoảng tháng 12 năm 1993, để có tiền kinh doanh, bị cáo P bàn bạc với bị cáo E đến gặp bà N mượn số tiền 24.000.000 đồng và thỏa thuận trả lãi suất hàng tháng nhưng sau đó chiếm đoạt tiền của bà N.

Tại bản cáo trạng số 69/CT-VKSTPBL ngày 31/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Miễn khấu trừ thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Buộc bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các năm từ năm 1993 đến năm 1995 các bị cáo Cao Văn P và Phùng Thị E có hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Vũ Thị Kim H, bà Nguyễn Bích T, Dương Thị Bạch M, bà Huỳnh Kim L, bà Dương Hồng A, ông Phạm Hoàng G, bà Nguyễn Thị N. Vì vậy, hành vi của các bị cáo P và E đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là phù hợp. Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Các bị hại bà Nguyễn Bích T, bà Dương Thị Bạch M, bà Dương Hồng A, ông Phạm Hoàng G, bà Huỳnh Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy các bị hại đã có lời khai ở Cơ quan điều tra và các chứng cứ vụ án đã rõ ràng, đầy đủ, sự vắng mặt của các bị hại không trở ngại gì cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Cao Văn P và Phùng Thị E tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì động cơ vụ lợi bất chính, từ năm 1993 đến năm 1995 tại Phường 7, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải (nay là Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E có hành vi hốt các phần hui nhưng không đóng hui chết, thuê bằng kỹ sư và mượn tiền của bà Vũ Thị Kim H, bà Nguyễn Bích T, bà Dương Thị Bạch M, bà Huỳnh Kim L, bà Dương Hồng A, ông Phạm Hoàng G và bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền 116.700.000 đồng rồi bỏ trốn để chiếm đoạt. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, gây hoang mang cho dư luận. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý bằng hình sự để cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét thấy: Bị cáo P và bị cáo E thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 116.700.000 đồng đều vì mục đích vụ lợi. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại bị cáo P và E đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo P và E nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi nêu trên của bị cáo Cao Văn P và Phùng Thị E đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985. Tuy nhiên, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội cần áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội nên hành vi của bị cáo P và E phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên và bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo phải chịu: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là vợ chồng hiện nay các bị cáo đã lớn tuổi và có nhiều bệnh trong người nên việc đi lại gặp khó khăn, các bị cáo cũng có nơi cư trú rõ ràng, ổn định và phạm tội trong lúc khó khăn nhất thời. Các bị cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện được ở bên ngoài để chữa bệnh do hiện nay các bị cáo có nhiều bệnh trong người. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương để giúp cho các bị cáo có điều kiện chữa bệnh, nhằm để đảm bảo tính nhân văn của pháp luật Hình sự và để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo để các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét về vai trò của bị cáo P và bị cáo E thì thấy rằng bị cáo E là người trực tiếp tham gia chơi hụi, mượn tiền và thuê bằng của các bị hại. Tuy nhiên, bị cáo P là người trực tiếp sử dụng tiền của bị cáo E mang về. Do đó, vai trò đồng phạm của các bị cáo P và E trong vụ án là ngang nhau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Các vấn đề khác: Đối với bà Huỳnh Nguyệt L vào ngày 04/7/1995 gửi đơn tố giác P và E chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng, Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của bà L nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[8] Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn do già yếu hay bệnh tật nên không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập, lao động phục vụ cộng đồng cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp nên được chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu về việc áp dụng hình phạt cho các bị cáo, thấy rằng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự;

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Cao Văn P 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 09 (Chín) ngày do bị cáo bị tạm giữ, thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2022 đến ngày 14/01/2022 (03 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 02 năm 11 tháng 21 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Cao Văn P. Miễn việc khấu trừ thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng cho bị cáo Cao Văn P.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự;

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Phùng Thị E phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phùng Thị E 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 09 (Chín) ngày do bị cáo bị tạm giữ, thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2022 đến ngày 14/01/2022 (03 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 02 năm 11 tháng 21 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Phùng Thị E. Miễn việc khấu trừ thu nhập và lao động phục vụ cộng đồng cho bị cáo Phùng Thị E.

Giao bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố

Cà Mau, tỉnh Cà Mau trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Cao Văn P và bị cáo Phùng Thị E mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- Cơ quan điều tra CATP Bạc Liêu;
- Cơ quan THAHS CATP Bạc Liêu;
- Chi cục THA dân sự thành phố Bạc Liêu;
- UBND xã Hòa Tân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Bị cáo và bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án Hình sự;
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án).

Lê Yến Nhi